

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 10 và 10 tháng năm 2012

I. CÔNG NGHIỆP

Tốc độ phát triển sản xuất công nghiệp tháng 10 ước tăng 7,2% so với tháng trước, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2011. Mười tháng tăng 4,3% so với cùng kỳ. Trong đó công nghiệp khai khoáng giảm 36,4%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,1%.

Chỉ số phát triển công nghiệp

Đơn vị tính: %

	Tháng 10 so với tháng 9	10 tháng so với cùng kỳ 2011
Tổng số	107,2	104,3
Phân theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	274,4	63,6
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	107,3	104,1
3. SX và PP điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	100,4	110,9
4. Cung cấp nước, HD quản lý và xử lý rác thải, nước thải	103,7	115,0
Một số ngành chủ yếu		
1. Chế biến sữa và các SP từ sữa	131,6	113,0
2. Sản xuất bia và mạch nha	108,8	111,2
3. Sản xuất quần áo	107,5	99,0
4. Giày, dép	100,1	95,8
5. In	101,9	112,5
6. Sản phẩm từ plastic	106,4	107,8
7. Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao	109,0	94,0
8. Sản xuất sắt, thép, gang	102,2	106,7

Trong 57 ngành sản xuất có 32 ngành tăng so cùng kỳ, trong đó có 28 ngành sản xuất tăng cao hơn mức tăng bình quân chung của ngành: Ngành chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (+13%); in (+12,5%); sản xuất bia và mạch nha (+11,2%); sản xuất và phân phối điện (+10,9%); sản xuất linh kiện điện tử (+9,7%); sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (+8%); sản xuất sản phẩm từ plastic (+7,8%).

Các ngành sản xuất giảm so cùng kỳ: sản xuất xe có động cơ (-14,8%); xi măng, vôi, thạch cao (-6%); sản xuất sản phẩm điện tử gia dụng (-6%); thuốc lá (-4,9%); giày, dép (-4,2%).

II. NÔNG LÂM THỦY SẢN

1. Nông nghiệp:

+ **Sản xuất vụ hè thu:** tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 10.061 ha tăng 4,2% so cùng kỳ. Trong đó, lúa 5.952 ha giảm 1,5%, năng suất đạt 41,6 tạ/ha, góp phần đưa sản lượng lúa đạt 24.771 tấn tăng 1,4%.

Rau gieo trồng 3.214 ha, tăng 9,3%; sản lượng đạt 73.841 tấn, tăng 10,8% so cùng kỳ. Bắp 40,8 ha, gấp 2 lần cùng kỳ; đậu phộng 59 ha, tăng 5,9%; mía trồng mới 381 ha, tăng 13%. Sản lượng các loại cây đều tăng so cùng kỳ.

+ **Vụ mùa:** lúa đã xuống giống 8.680,3 ha, bằng 85,2% tiến độ gieo trồng cùng kỳ năm trước; rau 3.927 ha tăng 2,7%.

+ **Tình hình sinh vật gây hại cây trồng:** vụ hè thu tại huyện Củ Chi đã có 167 ha lúa bị nhiễm rầy nâu mức độ nhẹ, 77 ha bị ốc brou vàng phá hoại, 58 ha lúa bị chuột gây hại, 62 ha nhiễm sâu phao.

2. Lâm nghiệp: đã tổ chức 21 đợt tuần tra, kiểm tra 36 cơ sở kinh doanh, chế biến lâm sản, 23 cơ sở gây nuôi động vật hoang dã. Xử lý 1 vụ vi phạm mua bán, vận chuyển, kinh doanh lâm sản trái phép.

3. Thủy sản: (tại huyện Cần Giờ)

Do ảnh hưởng thời tiết, và dịch bệnh trên tôm nuôi trồng nên sản lượng thủy sản tháng 10 đạt 5.508 tấn, giảm 8,8% so tháng trước nhưng tăng 27% so với cùng kỳ. Sản lượng đánh bắt đạt 2.329 tấn, tăng 30,5% so cùng kỳ; nuôi trồng 2.179 tấn, tăng 23,5%.

Tổng sản lượng thủy sản 10 tháng ước đạt 36.677 tấn, tăng 18,3 % so với cùng kỳ năm 2011. Khai thác 20.382 tấn, tăng 12,5%; nuôi trồng 16.295 tấn, tăng 26,6%.

Tình hình thả nuôi tôm: Tính đến ngày 9/10, có 736 lượt hộ thả nuôi với 153,1 triệu con tôm sú giống trên diện tích 3.383,3 ha. Tôm thẻ chân trắng có 2.195 lượt hộ thả nuôi 1.454,5 triệu con giống trên diện tích 2.222,5 ha.

Dịch bệnh trên tôm: Tính từ đầu vụ đến nay đã có 417,6 ha với 458 hộ nuôi có tôm bị bệnh, Chỉ có 64 hộ nuôi được xử lý bằng nguồn thuốc dập bệnh của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh (14% số hộ), số hộ khác tiến hành tận thu hoặc thu hoạch sớm hơn để hạn chế thiệt hại.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư XD CB và sửa chữa lớn trên địa bàn 10 tháng ước thực hiện 124.076 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 9%; so với kế hoạch năm đạt 70,4% (10 tháng năm 2011 tăng 15,9%).

Trong đó: Vốn thuộc ngân sách thành phố 13.331,2 tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ và đạt 76,5% kế hoạch năm (10 tháng cùng kỳ tăng 8,4%). Cấp thành

phổ ước thực hiện 6.945,8 tỷ đồng, chiếm 52,1%, so cùng kỳ tăng 5,9%; Cấp quận huyện 6.385,4 tỷ đồng, chiếm 47,9%, so với cùng kỳ tăng 11,4%.

Vốn đầu tư thuộc ngân sách thành phố

	Ước thực hiện 10 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Cùng kỳ năm 2011
Tổng vốn đầu tư	13.331,2	76,5	108,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	1.029,5	78,1	78,7
Cấp thành phố	6.945,8	75,0	105,9
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	674,5	80,4	109,5
Cấp quận huyện	6.385,4	78,8	111,4
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	355,0	74,0	51,5

Tháng 10, khối lượng lớn tập trung chủ yếu là các dự án đền bù giải phóng mặt bằng như: dự án đường cao tốc TP. HCM - ngã ba Dầu Giây, đi qua quận 2 và quận 9; dự án đường kênh Tân Hóa tại quận 6; đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi... khởi công **mới dự án cầu vượt bằng thép tại vòng xoay Hàng Xanh, với tổng mức đầu tư 188,5 tỷ đồng.**

Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm:

- Dự án tuyến vành đai Tân Sơn Nhất – Bình Lợi: còn một số đoạn chưa giải tỏa tại các Quận Thủ Đức, Quận Gò Vấp, Quận Bình Thạnh;
- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: chưa giải tỏa được một số đoạn trên địa bàn Quận 9, Quận Thủ Đức;
- Dự án đường cao tốc Long Thành – Dầu Giây: Dự kiến hoàn thành đền bù trên địa bàn Quận 2, quận 9 trong quý 4.

2. Cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân cư riêng lẻ:

Tính đến ngày 30/9, toàn thành phố đã cấp 29.478 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 4.994,9 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 25.466 giấy phép, với diện tích 4.570,2 ngàn m² và 4.012 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 424,7 ngàn m².

So với cùng kỳ giảm 12,5% về số cấp phép, diện tích cấp phép xây dựng cũng giảm 14,9%. (- 871,2 ngàn m²).

3. Cấp phép đầu tư nước ngoài:

Từ đầu năm đến ngày 15/10, đã có 36 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào thành phố với 312 dự án, tổng vốn đăng ký đạt 490,5 triệu USD (vốn điều lệ 144,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 29,4 vốn đăng ký). Vốn đầu tư bình quân mỗi dự án là 1,5 triệu USD.

Theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 234 dự án, vốn đầu tư 414,9 triệu USD; liên doanh 78 dự án, vốn đầu tư 75,6 triệu USD.

Theo lĩnh vực hoạt động: công nghiệp 33 dự án, vốn đầu tư 104,8 triệu USD (chiếm 21,3%); thương mại 101 dự án, vốn đầu tư 112,3 triệu USD (chiếm 22,9%); hoạt động kinh doanh bất động sản 7 dự án, vốn đầu tư 117,6 triệu USD (chiếm 23,9%); y tế 3 dự án, vốn đầu tư 84 triệu USD (chiếm 17,1%); xây dựng 20 dự án, vốn đầu tư 24,2 triệu USD; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 72 dự án, vốn đầu tư 19,7 triệu USD;...

Theo đối tác đầu tư: số lượng dự án nhiều và vốn đầu tư cao đa phần là từ các nước Châu Á. Trong đó, Singapore 52 dự án, vốn đầu tư 272,5 triệu USD (chiếm 55,6%); Nhật Bản 71 dự án, vốn đầu tư 93,5 triệu USD (chiếm 19%); Pháp 12 dự án, vốn đầu tư 23,1 triệu USD; British Virgin Island 9 dự án, vốn đầu tư 16,5 triệu USD; Malaysia 12 dự án, vốn đầu tư 13,3 triệu USD; Áo 2 dự án, vốn đầu tư 9,4 triệu USD; Hồng Kông 16 dự án, vốn đầu tư 9 triệu USD; Hàn Quốc 33 dự án, vốn đầu tư 9 triệu USD;...

Có 97 dự án tăng vốn đầu tư, số vốn tăng 690,5 triệu USD. **Tính đến ngày 15/10, tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh đạt 1.181 triệu USD (cùng kỳ 2.218,1 triệu USD).**

Đã có 24 dự án tạm ngưng hoạt động, 54 dự án giải thể, rút phép trước thời hạn và chuyển đi tỉnh thành khác với vốn đầu tư 1.291,4 triệu USD.

Số dự án còn hiệu lực đến ngày 15/10 trên địa bàn thành phố là 4.438 dự án, vốn đầu tư đạt 31,3 tỷ USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Từ 16/9 đến ngày 15/10 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp phép thành lập mới 2.055 doanh nghiệp tăng 262 doanh nghiệp so với cùng kỳ tháng trước và giảm 43 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2011.

Tính từ đầu năm đến 15/10 đã có 19.610 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 2,9% so với cùng kỳ; trong đó: 688 doanh nghiệp tư nhân, 2.266 công ty cổ phần và 14.601 công ty TNHH. Tổng vốn đăng ký thành lập doanh nghiệp **166,6** ngàn tỷ đồng.

Số doanh nghiệp thành lập của khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm 23,4% (cùng kỳ 27%), giảm 15,6% so với cùng kỳ; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 0,6%, giảm 5,8%; khu vực dịch vụ chiếm 76% (cùng kỳ 72,4%), thành lập, mới tăng 2,1%.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Trong tháng 9 có 1.645 doanh nghiệp ngừng nghỉ hoạt động, giảm 12,7% so với tháng 8. Tổng số 9 tháng đã có 17.693 doanh nghiệp, cao hơn 5,7% số doanh nghiệp được cấp mã số thuế hoạt động kinh doanh cùng thời kỳ. Trong tổng số doanh nghiệp ngưng nghỉ: đã khóa mã số thuế và chờ khóa mã số thuế chiếm 42%, không có tại địa chỉ kinh doanh chiếm 27,5%.

Tỷ lệ ngưng nghỉ so với số thành lập mới cao nhất là khu vực ngoài nhà nước (98,9%).

IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ CẢ

1. Nội thương

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn thành phố tháng 10 ước đạt 46.258 tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 13,7% so với tháng 10/2011.

Ước tính 10 tháng, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 438.020 tỷ đồng, tăng 17,4% so với cùng kỳ.

Chia theo loại hình kinh tế:

- + Kinh tế nhà nước 79.620 tỷ đồng, chiếm 18,2%, tăng 3,9%.
- + Kinh tế ngoài nhà nước 345.266 tỷ đồng, chiếm 78,8%, tăng 20,9%;
- + Kinh tế có vốn nước ngoài 13.134 tỷ đồng, chiếm 3%, tăng 20,8%.

Chia theo ngành hàng: trong đó

- + Thương nghiệp 357.851 tỷ đồng, chiếm 81,7%, tăng 17,3%;
- + Khách sạn nhà hàng 45.608 tỷ đồng, chiếm 10,4%, tăng 14,2%;
- + Du lịch lữ hành 12.645 tỷ đồng, chiếm 2,9%, tăng 28%;

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 10 tháng (tỷ đồng)			% so sánh 10 tháng so với cùng kỳ năm 2011		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
Tổng mức	438.020	424.886	13.134	117,3	117,3	120,8
Tr.đó: Thương nghiệp	357.851	355.038	2.814	117,3	117,2	129,4
Khách sạn	6.357	3.129	3.228	104,3	106,0	102,7
Nhà hàng	39.251	38.076	1.175	116,0	115,7	127,1
Dịch vụ du lịch lữ hành	12.645	11.757	887	128,0	128,0	127,7

Loại trừ yếu tố biến động giá, lượng hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước.

* **Tình hình du lịch:** Kết quả kinh doanh du lịch (bao gồm doanh thu khách sạn và dịch vụ du lịch lữ hành) 10 tháng ước đạt 19.002 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó doanh thu khách sạn 4,3%, dịch vụ du lịch lữ hành tăng 28%.

2. Giá cả

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 9 tăng 0,4% so với tháng trước, 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có mức giá tăng, trong đó 4 nhóm mức giá tăng cao hơn mức bình quân chung là “hàng hóa và dịch vụ khác” (+1,02%), “nhà ở, điện nước, chất đốt” (+1,46%), “may mặc, mũ nón, giày dép” (+0,58%); “giao thông” (0,49%); “nhóm hàng lương thực, thực phẩm” tăng 0,3% nhưng trong đó hàng thực phẩm tăng 0,51%. 2 nhóm hàng có mức giá giảm là “thiết bị và đồ dùng gia đình” (-0,44%), “văn hóa, giải trí và du lịch” (-0,02%)

Biến động của một số nhóm mặt hàng chính trong tháng: Thịt heo (-0,20%), thịt bò (-1,07%), thịt gia cầm (+0,21%), trứng các loại (+1,02%), thủy sản chế biến (+0,06%), đậu hạt các loại(+2,23%), rau các loại (+6,61%), đồ gia vị (+0,98%), bơ sữa phomat (+0,14%), thủy sản tươi sống (-0,67%)... mức biến động của nhóm hàng thực phẩm chủ yếu do hàng rau do trong tháng mưa nhiều đã ảnh hưởng đến sản lượng hàng hóa cung cấp. Ga chất đốt tăng 4,72%, giá dầu hỏa tăng 0,87%.

Chỉ số giá tháng 10

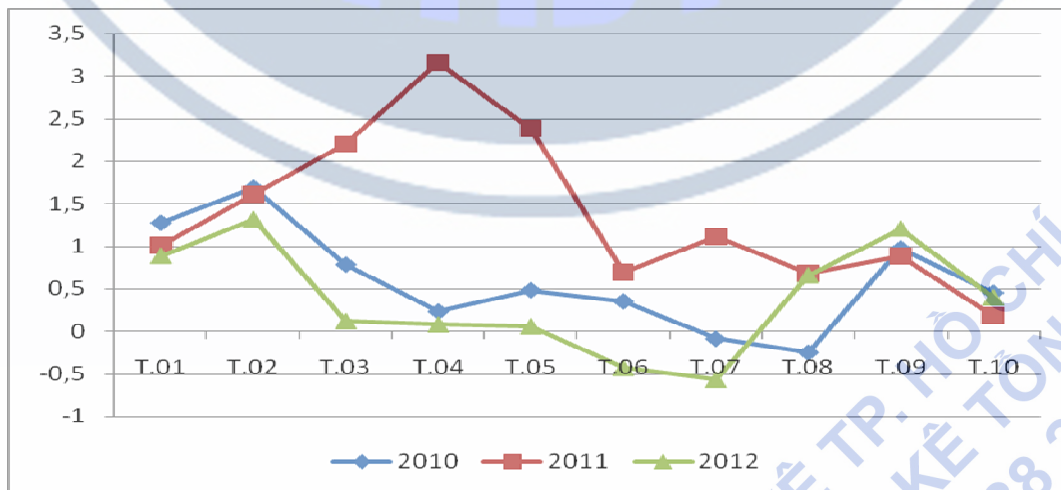
	Tháng 10 so với tháng cùng kỳ năm trước		Tháng 10 so với tháng 12 năm trước	
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ số giá tiêu dùng	118,55	104,86	114,69	103,80
Trong đó: Lương thực	125,99	105,08	112,99	98,97
Thực phẩm	126,35	102,88	120,24	101,28
2. Chỉ số giá vàng	144,31	105,29	126,27	105,13
3. Chỉ số giá USD	108,17	97,88	100,07	98,29

So với tháng 10/2011 chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,86%; khu vực thành thị tăng 5,06%, khu vực nông thôn tăng 3,24%.

So với tháng 12/2011, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,8%, thấp hơn nhiều so với mức tăng của cùng kỳ năm trước.

Mức tăng giá trong thời gian 10 tháng qua có xu hướng tăng tương đương cùng thời kỳ của năm 2010, tuy nhiên biên độ tăng thấp hơn nhưng mức độ giảm lại cao hơn.

Tốc độ tăng giá so với tháng trước của 3 năm 2010-2011-2012



Giá vàng tháng 10 tăng 5,9% so với tháng 9, tăng 5,29% so với tháng 10/2011. Giá USD giảm 0,22% so với tháng trước, giảm 2,12% so với tháng 10/2011.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2011 so với cùng kỳ năm trước tăng 8,43% (cùng kỳ tăng 10,11%). Tăng cao hơn mức bình quân chung là nhóm “hàng ăn và dịch vụ ăn uống” tăng 10,95% và nhóm “giao thông” tăng 9,08%.

V. XUẤT NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố 10 tháng (không tính dầu thô) đạt 39.650,8 triệu USD; khu vực kinh tế trong nước chiếm 66%, giảm 3,8%; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 34%, tăng 11,3%.

1. Xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu tháng 10 ước đạt 2.591,6 triệu USD, giảm 3,4% so với tháng trước; tăng 21,4% so cùng kỳ năm trước.

Nếu không tính giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 1.896,6 triệu USD, tăng 0,8% so với tháng trước; tăng 18,2% so cùng kỳ.

Ước tính 10 tháng đầu năm, tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 24.253 triệu USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế trong nước 17.063,3 triệu USD, tăng 0,5%, và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài 7.189,7 triệu USD, tăng 15,3%.

Loại trừ dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 17.267 triệu USD, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2011; **nếu loại trừ thêm giá trị vàng trị giá xuất khẩu tăng 13%.**

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế

Không tính dầu thô

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 10	10 tháng	Tháng 10 với tháng 9	10 tháng với cùng kỳ 2011
Tổng số	1.896,6	17.267,0	100,8	100,6
Kinh tế Nhà nước	393,9	3.708,2	100,2	104,3
Kinh tế tập thể	3,2	26,3	100,8	110,1
Kinh tế tư nhân	715,2	6.342,7	100,9	86,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	784,4	7.189,7	101,0	115,3

Ước tính một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của khu vực kinh tế trong nước trong 10 tháng và so sánh với cùng kỳ năm trước:

+ Gạo 2.003,9 ngàn tấn, trị giá 917 triệu USD, chiếm tỷ trọng 9,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô; giảm 15,6% về lượng và giảm 19,3% về trị giá (giá bình quân 10 tháng giảm 4,4% so cùng kỳ);

+ Thủy sản 369,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, tăng 8,7%;

+ Sữa và các sản phẩm từ sữa 144,8 triệu USD, tăng 39,1%;

+ May mặc 1.993,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 19,8%, tăng 10%;

+ Giày dép 535,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,3%, tăng 8,9%;

+ Dầu thô 7.852 ngàn tấn, trị giá 6.986 triệu USD, tăng 13,8% về lượng và 15,3% về giá trị, giá bình quân đã tăng 1,3% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 10 ước thực hiện 2.358,6 triệu USD, tăng 0,9% so tháng trước và giảm tăng 4,9% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Ước tính 10 tháng đầu năm, tổng trị giá hàng nhập khẩu đạt 22.383,8 triệu USD, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 10	10 tháng	Tháng 10 với tháng 9	10 tháng với cùng kỳ 2011
Tổng số	2.358,6	22.383,8	100,9	101,1
Kinh tế Nhà nước	611,8	6.181,0	101,2	99,1
Kinh tế tập thể	0,5	7,1	100,9	97,9
Kinh tế tư nhân	1.091,2	9.907,8	100,8	98,8
K.tế có vốn nước ngoài	655,1	6.287,9	100,8	107,0

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 10 tháng của khu vực kinh tế trong nước và so sánh với cùng kỳ năm trước:

- + Sữa và sản phẩm sữa 589,2 triệu USD, tăng 53,5%;
- + Nhiên liệu 1.051,4 triệu USD, giảm 24,6% do giá bình quân tăng 2%;
- + Nguyên phụ liệu may 757,2 triệu USD, tăng 8,3%;
- + Phụ liệu giày dép 153,3 triệu USD, tăng 8,3%;
- + Sắt thép 157,2 triệu USD, giảm 7%;
- + Tân dược đạt 689,6 triệu USD, giảm 7,8%;
- + Dầu mỡ động thực vật 121,3 triệu USD, giảm 9,9%;
- + Chất dẻo 179,6 triệu USD, tăng 16,9%.

VI. GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 10 ước đạt 4.355,9 tỷ đồng, tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 35,8% so với tháng cùng kỳ năm trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 37.766,8 tỷ đồng, tăng 30,1% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước chiếm 14,9%, tăng 2,6%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 10 tháng

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 10 tháng với cùng kỳ 2011	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	25.070,4	12.696,3	127,1	136,7
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	4.738,2	892,3	100,4	116,0
Kinh tế ngoài nhà nước	20.129,5	9.424,4	135,6	150,7
Kinh tế có vốn nước ngoài	202,8	2.379,6	119,8	105,0
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Đường bộ	13.353,5	10.525,3	136,1	146,5
Đường sông	2.347,2	194,7	133,6	133,4
Đường biển	9.303,5		114,9	
Đường hàng không	66,3	1.976,4	103,2	100,7

- Doanh thu vận tải hàng hóa tháng 10 ước đạt 2.971,2 tỷ đồng, tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 27,1% so với tháng 10/2011. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 25.070,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 66,4% trong tổng doanh thu vận chuyên, tăng 27,1% so với cùng kỳ; doanh thu đường bộ chiếm tỷ trọng 53,3% trong tổng doanh thu vận chuyên hàng hóa, tăng 36,1%; doanh thu vận tải đường biển chiếm tỷ trọng 37,1%, tăng 14,9%.

- Doanh thu vận tải hành khách tháng 10 ước đạt 1.384,7 tỷ đồng, tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 40,9% so với 10/2011. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 12.696,3 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 33,6% trong tổng doanh thu vận chuyên, tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó doanh thu vận tải đường bộ chiếm tỷ trọng 82,9% trong tổng doanh thu vận tải hành khách, tăng 46,5% so với cùng kỳ; kể đến là vận tải hàng không chiếm 15,6%, tăng 0,7%.

2. Hàng hóa qua cảng:

Tổng lượng hàng hoá hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 10 ước thực hiện 5.764,1 ngàn tấn, tăng 0,8% so tháng trước và tăng 17,0% so với tháng 10/2011. Trong đó hàng hoá qua cảng biển chiếm 96,7%, tăng 17,8% so với cùng kỳ năm trước.

Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (ngàn tấn)		% so sánh	
	Tháng 10	10 tháng	Tháng 10 so tháng 9	10 tháng so cùng kỳ 2011
Tổng số	5.764,1	55.704,3	100,8	110,5
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	5.583,7	53.847,6	100,8	111,6
Cảng sông	180,3	1.856,8	100,5	87,2
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	2.231,5	21.424,7	100,8	117,8
Hàng nhập khẩu	2.491,1	24.555,5	100,6	108,3
Hàng nội địa	1.041,5	9.724,1	101,3	135,4

Ước tính 10 tháng khối lượng hàng hóa qua cảng đạt 55.704,3 ngàn tấn, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó hàng hoá xuất khẩu 21.424,7 ngàn tấn, chiếm 38,5%, tăng 17,8%; hàng nhập khẩu 24.555,5 ngàn tấn, chiếm 44,1%, tăng 8,3%; hàng nội địa 9.724,1 ngàn tấn, tăng 35,4%.

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 10 tháng ước thực hiện 175.600,7 tỷ đồng, đạt 75,1% dự toán, tăng 3,1% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa đạt 90.725,2 tỷ đồng, đạt 73,6% dự toán, tăng 1,7%; thu từ dầu thô đạt 26.673,8 tỷ đồng, vượt dự toán 6,7%, tăng 19,8% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 53.407 tỷ đồng, giảm 4,1% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2012 (Tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2012 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2011
Tổng thu	233.682	175.600,7	75,1	103,1
Tổng thu cân đối ngân sách NN	227.200	170.806,0	75,2	102,2
I- Thu nội địa	123.300	90.725,2	73,6	101,7
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.800	18.544,4	69,2	95,9
2. Khu vực ngoài nhà nước	33.700	23.818,8	70,7	110,9
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	31.000	21.589,4	69,6	114,6
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	78.900	53.407,0	67,7	95,9
III- Thu từ dầu thô	25.000	26.673,8	106,7	119,8

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 10 tháng ước đạt 18.544,4 tỷ đồng, chiếm 20,4% tổng thu nội địa, giảm 4,1% so cùng kỳ (*Nhà nước trung ương đạt 10.925,2 tỷ đồng, giảm 0,8%; Nhà nước địa phương đạt 7.619,3 tỷ đồng, giảm 8,5%*). Thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 23.818,8 tỷ đồng, chiếm 26,3% thu nội địa, tăng 10,9%. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 21.589,4 tỷ đồng, chiếm 23,8% thu nội địa, tăng 14,6%. Các khoản thu khác đạt 26.772,6 tỷ đồng, giảm 9,4% so cùng kỳ. Trong đó: thuế thu nhập cá nhân đạt 14.383,9 tỷ đồng, chiếm 53,7% thu nhập khác, tăng 15,8% so cùng kỳ, thu tiền sử dụng đất đạt 4.815,4 tỷ đồng, chiếm 18% thu nhập khác, giảm 43,4% so cùng kỳ.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 10 tháng ước đạt 47.431,7 tỷ đồng, vượt 10,8% dự toán, giảm 0,6% so cùng kỳ năm 2011.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2012 (Tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2012 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ
Tổng chi (trừ tạm ứng)	42.810	37.768,6	88,2	111,6
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.400	15.054,6	132,1	83,1
Trong đó: trả lãi và vốn vay	1.162	552,7	47,6	17,2
II- Chi thường xuyên	23.800	19.057,0	80,1	137,9
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	3.836	2.642,5	68,9	151,7
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	6.441	4.613,3	71,6	131,1
Sự nghiệp y tế	2.519	3.715,6	147,5	206,8
Quản lý hành chính	3.259	2.512,3	77,1	123,8

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 10 tháng ước thực hiện 37.768,6 tỷ đồng, đạt 88,2% dự toán, tăng 11,6% so cùng kỳ. Chi đầu tư phát triển ⁽¹⁾ ước thực

¹ Nếu không tính chuyển nguồn số dư tạm ứng vốn đầu tư, vốn đầu tư phát triển 10 tháng là 9.505,6 tỷ đồng, vượt 2,8% dự toán, tăng 25,2% so cùng kỳ.

hiện 15.054,6 tỷ đồng, giảm 16,9% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 19.057 tỷ đồng, tăng 37,9% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 2.642,5 tỷ đồng, tăng 51,7%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 4.613,3 tỷ đồng, tăng 31,1%; **chi sự nghiệp y tế 3.715,6 tỷ đồng, tăng 106,8%**; chi quản lý hành chính tăng 23,8%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 58%; chi đảm bảo xã hội tăng 27,3%.

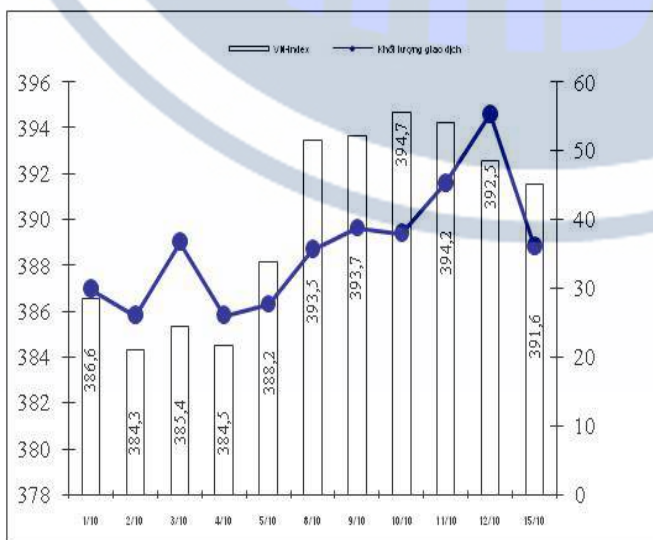
Tổng chi ngân sách địa phương bao gồm tạm ứng 10 tháng ước đạt 51.265,7 tỷ đồng, tăng 9,7% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 10 ước 947,1 ngàn tỷ đồng, tăng 0,7% so tháng trước, tăng 8,8% so cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 54,6% tổng vốn huy động, giảm 0,03% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 20,2%, giảm 11% so cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 79,8% tổng vốn huy động, tăng 15,2% so cùng kỳ, trong đó tiền gửi tiết kiệm chiếm 56,6%, tăng 8,2% so cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 10 ước 780,8 ngàn tỷ đồng, tăng 0,7% so tháng trước, tăng 5,6% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần 392 ngàn tỷ đồng, chiếm 50,2% tổng dư nợ, tăng 4,9% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ 199,4 ngàn tỷ đồng, chiếm 25,5% tổng dư nợ, giảm 9,2% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ chiếm 74,5% tổng dư nợ, tăng 11,9% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 43,1%, giảm 4,5%. Dư nợ tín dụng ngắn hạn tăng 14,7% so cùng kỳ.

3- Thị trường chứng khoán: Tính đến ngày 15/10 tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 310 gồm 304 cổ phiếu và 6 chứng chỉ quỹ. Tổng giá trị niêm yết toàn thị trường 324.006 tỷ đồng, tăng 22,4% so với đầu năm, trong đó:



phần 252.336 tỷ đồng, chiếm 77,9%; trái phiếu 68.669 tỷ đồng, chiếm 21,2%; chứng chỉ quỹ 3.001 tỷ đồng. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 636.802 tỷ đồng, tăng 39,9% so đầu năm. VN-Index tại thời điểm báo cáo đạt 391,56 điểm, tăng 11,4% so đầu năm, tương ứng tăng 40,01 điểm.

- Khối lượng giao dịch của 15 ngày đầu tháng 10 đạt 395,3 triệu chứng khoán, giảm

6,7% so tháng 9, bình quân mỗi phiên có 35,9 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 491,9 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 387,9 triệu cổ phiếu, giảm 6,7% so tháng trước; khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 343,3 triệu chứng khoán, giảm 5,7% so tháng trước; khối lượng giao dịch thỏa thuận đạt 52 triệu chứng khoán, giảm 13,3% so tháng trước. Lũy kế từ đầu năm khối lượng giao dịch đạt 11.862,1 triệu chứng khoán, tăng 82,9% so cùng kỳ. Trong đó khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt

11.347,6 triệu cổ phiếu, tăng 76,8% so cùng kỳ; khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 9.931,9 triệu chứng khoán, tăng 86,8%.

- Giá trị giao dịch của 15 ngày đầu tháng 10 đạt 5.411,2 tỷ đồng, giảm 16,2% so tháng trước và tăng 2,5% so cùng kỳ. Trong đó: giá trị giao dịch của các cổ phiếu đạt 5.321,4 tỷ đồng, chiếm 98,3%, tăng 1,7% so cùng kỳ; giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 4.252,6 tỷ đồng, chiếm 78,6% tổng giá trị giao dịch, giảm 1,4% so cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm tổng giá trị giao dịch đạt 187.310,7 tỷ đồng, tăng 43,5% so cùng kỳ. Trong đó giá trị giao dịch cổ phiếu đạt 178.484,2 tỷ đồng, tăng 38,3%; giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 142.478,1 tỷ đồng, tăng 41,7% so cùng kỳ.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	15 ngày tháng 10	Lũy kế đến tháng 10	Tháng 10 so tháng 9	10 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	395,3	11.862,1	93,3	182,9
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	387,9	11.347,6	93,3	176,8
Trái phiếu	-	21,1	-	170,9
Chứng chỉ quỹ	7,4	493,4	97,8	880,7
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	343,3	9.931,9	94,3	186,8
Giao dịch thỏa thuận	52,0	1.930,2	86,7	164,9
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	5.411,2	187.310,7	83,3	143,5
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	5.321,4	178.484,2	84,5	138,3
Trái phiếu	-	1.961,3	-	172,9
Chứng chỉ quỹ	89,8	6.865,2	97,8	1.664,8
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	4.252,6	142.478,1	82,4	141,7
Giao dịch thỏa thuận	1.158,6	44.832,6	89,7	149,5

VIII. HOẠT ĐỘNG Y TẾ VÀ XÃ HỘI

1. Y tế

- **Bệnh sốt xuất huyết:** Bệnh đã có chiều hướng giảm dần, trong tháng 9 có 975 ca, giảm 13,9% so với tháng 9/2011 và giảm 33,8% so với tháng 8. Tính chung 9 tháng có 8.232 ca mắc bệnh, giảm 7,9% (giảm 706 ca) so với cùng kỳ năm trước. Có 5 trường hợp tử vong, giảm 2 trường hợp tử vong so với cùng kỳ. Bệnh tập trung ở một số quận/huyện có nhiều kênh rạch như quận 8, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân. Ngành y tế vẫn tích cực công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ phun hóa chất phòng chống dịch bệnh tại các phường, xã có số ca mắc bệnh cao.

- **Bệnh tay chân miệng:** Trong tháng 9 có 2.223 ca, giảm 12,6% (giảm 321 ca) so với tháng trước nhưng gấp 1,9 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong 9 tháng đã có 10.350 ca nhiễm, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước. Có 6 trường hợp tử vong, giảm 19 trường hợp so với cùng kỳ. Bệnh xuất hiện ở tất cả các quận/huyện

trên địa bàn thành phố nhiều nhất ở quận Bình Tân (959 ca), huyện Bình Chánh (921 ca), quận 8 (898 ca).

2. Vệ sinh an toàn thực phẩm:

Trong tháng 9 đã xảy ra 02 vụ ngộ độc thực phẩm với 50 người mắc, nâng số vụ ngộ độc thực phẩm từ đầu năm trên địa bàn thành phố lên 4 vụ, với 509 người mắc. Việc kiểm tra công tác an toàn vệ sinh thực phẩm tại các bếp ăn tập thể trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, các cửa hàng ăn uống trong toàn thành phố được ngành y tế tiến hành thường xuyên. Đồng thời đã tổ chức tập huấn kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm với 81 lớp với 4.274 người tham dự.

3. Tình hình trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/8/2012 đến ngày 15/9/2012)

- **Vi phạm kinh tế:** phát hiện và xử lý 65 trường hợp vi phạm về kinh tế, thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 3,6 tỷ đồng; 39 trường hợp vi phạm môi trường tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh, giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm, các công ty, doanh nghiệp thu gom chất thải và các hệ thống xử lý chất thải. Xử lý hành chính 31 vụ, nộp kho bạc Nhà nước trên 1,5 tỷ đồng.

- **Phạm pháp hình sự:** xảy ra 381 vụ phạm pháp hình sự, so với cùng kỳ năm 2011 giảm 18,4%; so với tháng trước giảm 10,3%; làm chết 19 người, bị thương 32 người, thiệt hại tài sản trị giá trên 7,1 tỷ đồng. Đã được điều tra khám phá là 280 vụ, bắt 336 người vi phạm.

- Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

* **Ma túy:** phát hiện 134 vụ, trong đó 115 vụ mua bán – tàng trữ và 19 vụ sử dụng trái phép chất ma túy. Đã khởi tố 91 vụ với 132 người vi phạm; xử lý hành chính 43 vụ với 129 người vi phạm. Lập hồ sơ tập trung 174 người nghiện vào trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường/xã.

* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 06 ổ mại dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn để hoạt động, bắt giữ 26 người tổ chức môi giới và gái mại dâm. Chuyển cho ngành thương binh xã hội cải tạo tập trung 01 gái mại dâm, 93 đối tượng lang thang, xin ăn, 157 đối tượng nghiện ma túy. Kiểm tra lập biên bản 330 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

* **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 83 vụ tổ chức cờ bạc với 474 người tham gia, thu giữ trên 206 triệu đồng và nhiều hiện vật.

- **Trật tự an toàn giao thông:** Trên địa bàn thành phố xảy ra 77 vụ tai nạn giao thông đường bộ, tăng 4 vụ so với cùng kỳ năm trước, giảm 1 vụ so với tháng trước; làm chết 65 người, bị thương 31 người, làm hư hỏng 836 xe các loại.

Đã lập biên bản hành chính 90,2 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 5,8 ngàn xe các loại, tước giấy phép lái xe 10,5 ngàn trường hợp, xử lý 5,2 ngàn trường hợp vi phạm về đội nón bảo hiểm,... chuyển kho bạc nhà nước thu trên 25,5 tỷ đồng.

- **Về tình hình cháy, nổ:** xảy ra 09 vụ cháy so với tháng trước giảm 18,18% (giảm 02 vụ), 01 người chết, thiệt hại về tài sản trị giá trên 3 tỷ 124 triệu đồng. Nguyên nhân cháy chủ yếu là do chập điện.

4. Giải quyết việc làm:

Trong tháng 10, thành phố đã giải quyết việc làm cho 28,6 ngàn lao động. Trong đó lao động có việc làm ổn định là 20,1 ngàn người. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 10,8 ngàn chỗ làm.

Từ đầu năm đến nay thành phố đã giải quyết việc làm cho 238 ngàn lao động, đạt 88,9% kế hoạch năm. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 167,1 ngàn người, chiếm tỉ lệ 70,2% so với tổng số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 93,2 ngàn chỗ làm, đạt 74,6% kế hoạch năm.

Tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp: Từ ngày 17/9 đến ngày 12/10, đã có 9,9 ngàn người lao động đăng ký thất nghiệp tại Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố, có 9,1 ngàn người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Số người đề nghị chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp đến các tỉnh là 1,8 ngàn người, số người từ nơi khác chuyển đến thành phố hưởng trợ cấp thất nghiệp là 529 người, đã chấm dứt hưởng trợ cấp là 11,8 ngàn người. Số tiền chi trả trợ cấp thất nghiệp: 104,7 tỷ đồng.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 10 và 10 tháng năm 2012.

THỐNG KÊ

CỤC THỐNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733